

Số: /TB-UBND

Thiệu Toán, ngày 17 tháng 7 năm 2026

**THÔNG BÁO NIÊM YẾT DANH SÁCH
Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, thực
hiện chế độ chính sách theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP**

Kính gửi:

- Nhân dân và cán bộ xã Thiệu Toán;
- Các tổ chức cá nhân có liên quan.

Căn cứ Luật Dân chủ cơ sở số 10/2022/QH16 ngày 10/11/2022;

Thực hiện Công văn số 2869/SNV-XDCQ&CTTN ngày 14/05/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Trên cơ sở kết quả Thẩm định mức phụ cấp hiện hưởng, dự kiến kinh phí của từng đối tượng và giao cho phòng Văn hóa - Xã hội lập danh sách, lập kinh phí và giao cho phòng Kinh tế thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Hội nghị liên tịch UBND Thường trực Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, đại diện các tổ chức chính trị xã Thiệu Toán ngày 16/07/2026.

Ủy ban nhân dân xã Thiệu Toán thông báo niêm yết công khai danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn thuộc xã Thiệu Toán là 40 (bốn mươi) người.

(Có danh sách trích ngang và Thời gian công tác kèm theo)

Các trường hợp đề nghị nêu trên được Ủy ban nhân dân xã tổ chức niêm yết công khai: các phương tiện truyền thông và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thiệu Toán để xin ý kiến Nhân dân trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 17/7/2026 đến hết ngày 26/7/2026.

Trong thời gian niêm yết, Nhân dân, Cán bộ và các tổ chức cá nhân có liên quan theo dõi và giám sát nếu có ý kiến, đề nghị gửi về Ủy ban nhân dân xã Thiệu Toán, tỉnh Thanh Hóa (qua Phòng Văn hóa - Xã hội).

Hết thời gian niêm yết trên, Nhân dân, Cán bộ và các tổ chức cá nhân có liên quan nếu không có ý kiến phản ánh, kiến nghị, Ủy ban nhân dân xã Thiệu Toán sẽ giao cho phòng Văn hóa - Xã hội Thực hiện các quy trình, ban hành Quyết định cho tinh giản biên chế hưởng chính sách theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân xã Thiệu Toán trân trọng thông báo nhân dân và cán bộ xã, Các tổ chức cá nhân có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm cung ứng DVC (đăng tin);
- Lưu: VT, VHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Hải Hiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THIỆU TOÁN

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢM
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ
(ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN)

(Kèm theo Thông báo số /TB UBND /7/2026 của UBND xã Thiệu Toán)

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Đơn vị công tác hiện nay	Chức vụ	Hệ số	Phụ cấp hiện hưởng (1000 đồng)	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHĐK CT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ	Tuổi khi nghỉ việc		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc ở các vị trí việc làm khác		Tổng thời gian công tác			Các khoản trợ cấp được hưởng			Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (1000 đồng)	L ý d o t i n h g i ả n
										Nă m	Th á n g	Nă m	T h á n g	Nă m	T h á n g	Năm	Th á n g	Lâm tròn	Trợ cấp 1 lần (1000 đồng)	Trợ cấp cho mỗi năm công tác (1000 đồng)	Trợ cấp để tìm việc làm (1000 đồng)		
.																							
0	2	3	4		5	6.0	7	8	9	10	11	12	1 3	1 4	1 5	16	17	17.0	18	19	20	21 = 18+19+20	2 2
.	Tổng cộng																		631,800	522,288	154,440	2,614,810	
0..	Đối với người có dưới 5 năm công tác																		543,629	89,505	82,134	715,268	
1	Nguyễn Xuân Nam	Nam	24/09/1975	Thôn Đồng Minh	Trưởng Thôn - Trưởng BCTMT Thôn	1.1	2,574	3/2025	25/09/2037	50	9	1	4	0	0	1	4	1.5	32,947	5,792	7,722	46,461	
2	Cầm Bá Đức	Nam	27/10/1995	Thôn Dân Hòa	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	01/2025	27/10/2057	30	8	1	6			1	6	1.5	30,326	4,739	6,318	41,383	

3	Nguyễn Lương Hùng	Nam	10/10/1987	Thôn Thái Hòa	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	01/2025	10/10/2049	38	8	1	6			1	6	1.5	30,326	4,739	6,318	41,383	
4	Nguyễn Phụng Hoàng	Nam	10/02/1980	Thôn Đồng Bào	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	11/2016	10/02/2042	46	4	4	6			4	6	4.5	90,979	14,216	6,318	111,513	
5	Lê Văn Tư	Nam	12/03/1984	Thôn Đồng Tâm	Trưởng Thôn	1.0	2,340	12/2023	12/03/2046	42	3	2	7			2	7	3.0	58,032	10,530	7,020	75,582	
6	Lê Khắc Tùng	Nam	08/12/1987	Thôn Thái Khang	Trưởng Thôn	1.1	2,574	10/2017	08/12/2049	38	6	3	10			3	10	4.0	94,723	15,444	7,722	117,889	
7	Nguyễn Văn Ninh	Nam	25/09/1992	Thôn Thái Sơn	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	1/2025	25/09/2054	35	9	1	6			1	6	1.5	30,326	4,739	6,318	41,383	
8	Tổng Thị Hải	Nữ	12/07/1981	Thôn Toán Thắng	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	1/2025	12/07/2043	44	11	1	6			1	6	1.5	30,326	4,739	6,318	41,383	
9	Phạm Ngọc Thiện	Nam	25/12/1977	Thôn Dân Vượng	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.0	2,340	1/2025	25/12/2039	48	6	2	2			2	2	2.5	48,672	8,775	7,020	64,467	
10	Hà Đình Thủy	Nam	20/01/1971	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	Thôn Dân Ái	1.0	2,340	1/2025	20/01/2033	55	5	1	6			1	6	1.5	33,696	5,265	7,020	45,981	
11	Lê Văn Lương	Nam	09/09/1981	Thôn Đồng Chí	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	12/2019	09/09/2043	44	9	1	6			1	6	1.5	30,326	4,739	6,318	41,383	
12	Nguyễn Huy Quyền	Nam	22/11/1973	Thôn Dân Chính	Trưởng Thôn	1.1	2,574	3/2025	22/11/2035	52	7	1	4			1	4	1.5	32,947	5,792	7,722	46,461	
II	Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu															Số tháng đến tuổi nghỉ hưu			167,357	244,647	35,100	447,104	
13	Cao Xuân Bổng	Nam	18/08/1965	Thôn Thái Bình,	Trưởng Thôn	1.1	2,574	10/2017	18/05/2027	60	10	8	9	2		8	9	9.0	4,118	34,749	7,722	46,589	
14	Nguyễn Xuân Thịnh	Nam	19/05/1965	Thôn Dân Ái,	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.8	1,872	10/2017	19/11/2026	61	1	8	9	5		8	9	9.0	7,488	25,272	5,616	38,376	

15	Hoàn Quốc Khoa	Nam	17/06/1966	Thôn Thái Hòa,	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	12/2005	17/06/2028	60	0	15	1 1	24	15	11	16.0	49,421	61,776	7,722	118,919	
16	Dương Khắc Triệu	Nam	19/05/1966	Thôn Toán Thọ	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	12/2004	17/05/2028	60	1	21	7	23	21	7	22.0	47,362	84,942	7,722	140,026	
17	Lê Công Tuynh	Nam	19/05/1967	Thôn Toán Thọ	Trưởng BCTMT thôn	0.9	2,106	12/2004	19/05/2029	59	1	11	8	35	11	8	12.0	58,968	37,908	6,318	103,194	
III	Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu																	595,296	188,136	37,206	820,638	
18	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	02/12/1974	Thôn Thái Khang	Bí Thư Chi bộ- Trưởng BCTMT thôn	1.1	2,574	11/2015	02/08/2034	51	6	10	8		10	8	11.0	123,552	42,471	7,722	173,745	
19	Trần Văn Vương	Nam	28/07/1972	Thôn Dân Tài	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.0	2,340	24/07/2017	28/07/2034	54	0	6	3		6	3	6.5	112,320	22,815	7,020	142,155	
20	Phạm Đình Thành	Nam	24/06/1976	Thôn Dân Hòa	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	5/2013	24/06/2038	50	0	13	2		13	2	13.5	123,552	52,124	7,722	183,398	
21	Cao Văn Quý	Nam	06/09/1973	Thôn Thái Sơn	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	4/2007	06/09/2035	52	9	11	4		11	4	11.5	123,552	44,402	7,722	175,676	
22	Nguyễn Văn Hoài	Nam	16/06/1973	Thôn Dân Tiến	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.0	2,340	12/2004	16/06/2035	53	1	11	6		7	6	7.5	112,320	26,325	7,020	145,665	
IV	Đối với người đến tuổi nghỉ hưu hoặc đang hưởng chế độ hưu trí																	631,800	0	0	631,800	
23	Nguyễn Đình Hoan	Nam	13/03/1957	Thôn Dân Tiến	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.8	1,872	01/2025		59	3							28,080			28,080	
24	Lê Bá Sỹ	Nam	10/04/1957	Thôn Đồng Tâm,	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.0	2,340	10/2012		69	2							35,100			35,100	
25	Đỗ Ngọc Thiện	Nam	13/05/1956	Thôn Dân Quý,	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	01/2025		70	1							31,590			31,590	

26	Tổng Hữu Liêm	Nam	10/12/1960	Thôn Thái Dươn g.	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	3/2005		65	7							38,610			38,610	
27	Tổng Thị Hà	Nữ	10/01/1961	Thôn Thái Dươn g	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	4/2017		65	5							31,590			31,590	
28	Lê Văn Bê	Nam	29/04/1953	Thôn Thái Hanh,	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.9	2,106	3/2020		73	2							31,590			31,590	
29	Lê Văn Thái	Năm	05/11/1967	Thôn Toán Ty ,	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	2/2020		58	8	Hưu trí						38,610			38,610	
30	Nguyễn đình Chiêu	Nam	08/05/1960	Thôn Dân Chính,	Bí thư Chi Bộ . Trưởng BCTMT thôn	1.1	2,574	01/2005		66	1							38,610			38,610	
31	Đỗ Ngọc Sừ	Nam	10/12/1948	Thôn DQDS	Bí thư Chi Bộ . Trưởng BCTMT thôn	1.1	2,574	01/2025		78	7							38,610			38,610	
32	Đỗ Văn Hành	Nam	19/05/1964	Thôn Dân Quý,	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	12/2004		62	1							38,610			38,610	
33	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	15/09/1956	Thôn Dân Tài,	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	0.8	1,872	01/2025		69	9							28,080			28,080	
36	Nguyễn Hữu Tầm	Nam	25/12/1956	Thôn Thái Lai	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.0	2,340	01/2025		67	6							35,100			35,100	
37	Tổng Trường Đức	Nam	19/05/1959	Thôn Toán Thắng	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	9/2009		72	1							38,610			38,610	
38	Lê Văn Tuần	Nam	05/11/1963	Thôn Thái Hanh,	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	11/2017		62	7							38,610			38,610	
39	Lê Hồng Phong	Nam	25/10/1962	Thôn Dân Vượn	Trưởng Ban công tác Mặt	0.8	1,872	1/2025		63	8							28,080			28,080	

				g	trận thôn																		
40	Hoàng Xuân Liễu	Nam	16/08/1963	Thôn Toán Thành	Bí thư Chi Bộ . Trưởng Thôn	1.1	2,574	10/2012		62	10								38,610			38,610	

Danh sách có 40 người./.